

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-PT

Ngày 04 - 7 - 2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn,
tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp;

Các Thẩm phán:

Bà Lưu Thị Sum;

Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 81/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 149/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Băng N**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hùng S**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Bích L - Văn phòng Luật sư Bích L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Hùng S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

** Nguyên đơn Nguyễn Thị Băng N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G vào ngày 27/9/2010. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con, đánh đập chị nhiều lần kể cả lúc chị đang mang thai, anh S đánh chị trước mặt em chị và xúc phạm danh dự chị, anh S còn quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặc dù đã cố gắng để tha thứ nhưng anh vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh đi uống rượu về lấy mã tấu đòi chém chị, vợ chồng chị đã sống ly thân kể từ tháng 12/2017 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Băng N, sinh ngày 11/02/2012 hiện đang sống cùng anh S. Nay chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung vì con chị là con gái và còn quá nhỏ, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Nguyễn Hùng S trình bày:*

Anh thống nhất với chị N về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Về mâu thuẫn gia đình anh cho rằng nguyên nhân chính do từ năm 2015 chị N đi làm Công ty về không quan tâm đến chồng, mặc dù anh không biết chính xác sự việc chị N có tình cảm với người khác nhưng qua những câu nói của chị N dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được. Anh chị đã ly thân từ tháng 12/2017, chị N đi làm công nhân và sinh sống tại M, Tiền Giang, nay anh thuận tình ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Băng N, sinh ngày 11/02/2012 hiện đang sống với anh (tại ấp C, xã B). Ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con vì con còn quá nhỏ, đã sống ổn định với anh, đang gửi tại trường mầm non B. Nếu được quyền nuôi con anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 81/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang:*

- Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Băng N và anh Nguyễn Hùng S.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Nguyễn Thị Băng N, sinh ngày 11/02/2012 cho chị Nguyễn Băng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị N và gia đình không được quyền ngăn cản.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, anh Nguyễn Hùng S có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Băng N, sinh ngày 11/02/2012, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- Bị đơn Nguyễn Hùng S trình bày: Giữ nguyên nội dung và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử cho anh được nuôi con, do hiện nay con đang sống với anh, con anh đang có cuộc sống ổn định và đang theo học tại trường mầm non B, điều kiện nuôi con của anh đảm bảo, từ khi vợ anh bỏ đi anh vẫn nuôi con cho đến nay, nếu anh được nuôi con, anh cũng không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Nguyên đơn Nguyễn Thị Băng N trình bày: Chị đang đi làm công nhân có thu nhập ổn định, khi chị được giao nuôi con, chị sẽ sắp xếp về làm ở công ty gần nhà để có điều kiện chăm sóc nuôi dạy con, những lúc chị đi làm sẽ giao cho mẹ chị trong nom quản lý, con chị là con gái và còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, nên chị yêu cầu Hội đồng xét xử cho chị được quyền nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho anh S được nuôi con vì trước đến nay bé N đã sống chung với anh S, điều kiện kinh tế thu nhập của anh S đảm bảo cuộc sống cho bé N, bé N chung sống với anh S sẽ không bị thay đổi xáo trộn cuộc sống, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm giao bé N cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá việc giao cho chị N nuôi là có cơ sở, con chị N là bé gái, còn nhỏ nên chị N nuôi sẽ hợp lý phù hợp với tâm sinh lý và sự phát triển của trẻ. Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của chị N là có cơ sở đảm bảo được cuộc sống của chị N và cháu N.

Việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo pháp luật tố tụng dân sự và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Tòa án sơ thẩm đã xét xử về hôn nhân công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Băng N và anh Nguyễn Hùng S; về con chung giao cho chị Nguyễn Thị Băng N nuôi dưỡng, anh S không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án xem xét quyết định cho anh được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, trên cơ sở lời trình bày và đơn xác nhận về điều kiện nuôi con, chăm sóc con và xác nhận của trường mầm non B nơi con anh S, chị N đang theo học.

[3] Xét thấy, nhu cầu và điều kiện thực tế trong việc nuôi con, chăm sóc con của anh S, chị N đều có thể thực hiện được. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định con của anh S, chị N là bé gái, còn nhỏ, cần có sự quan tâm chăm sóc về điều kiện sinh hoạt gần gũi của người mẹ nhiều hơn cha, còn về công việc thì cả anh S và chị N đều là lao động thuê mướn, về điều kiện kinh tế tương đương nhau. Do đó, cần xem xét cho chị N được nuôi dưỡng chăm sóc để đảm bảo về tình thương yêu, sự gần gũi tình cảm giữa mẹ con, hạn chế ảnh hưởng về mặt tâm lý của cháu N.

[4] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày chưa phù hợp với tính chất, nội dung để làm căn cứ cho việc giao bé N để anh S nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử không ghi nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S cũng không bổ sung tài liệu chứng cứ gì khác so với phiên tòa sơ thẩm. Để đảm bảo cho cuộc sống của bé N ổn định được gần gũi với mẹ, có điều kiện ăn học, hạn chế đến mức thấp nhất đến tâm sinh lý của trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Hùng S về quyền được nuôi con chung, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

[6] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của anh Nguyễn Hùng S không được chấp nhận anh S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hùng S

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 81/2018/HN-ST ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Băng N và anh Nguyễn Hùng S.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Nguyễn Thị Băng N, sinh ngày 11/02/2012 cho chị Nguyễn Băng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị N và gia đình không được quyền ngăn cản.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Băng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã tạm nộp theo biên lai số 45364 ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, xem như chị N đã nộp xong án phí.

Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Hùng S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã tạm nộp theo biên lai thu số 45550 ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TG;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã B, huyện G, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp

